

Bản án số: 129/2024/DS-ST  
Ngày: 04-10-2024  
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tổng Nê

2. Ông Trần Văn Tiền

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Thư – Thư ký  
Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham  
gia phiên tòa: Bà Trần Hiền Diệu – Kiểm sát viên

Vào ngày 04 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu  
Thành, tỉnh Bến Tre, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số:  
326/2024/TLST- DS ngày 15/7/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”,  
theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8  
năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 259/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 9  
năm 2024; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 270/2024/QĐST-DS ngày 23 tháng  
9 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Bà **Đoàn Thị L**, sinh năm 1980; Trú tại: Ấp P, xã T, huyện V,  
tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông **Trần Văn A**, sinh năm 1961; Địa chỉ:  
Ấp P, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

Bị đơn: Bà **Nguyễn Phước L1**, sinh năm 1958 và ông **Cao Thành N**, sinh  
năm 1993; Trú tại: Số B, ấp Q, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện, bản khai ý kiến, biên bản xác minh ngày 28/8/2024,  
biên bản hòa giải và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình  
bày:**

Vào năm 2023, bà Đoàn Thị L có cho ông Cao Thành N vay số tiền  
500.000.000 đồng để ông N đáo hạn ngân hàng. Do ông N mất khả năng chi trả  
nên mẹ của ông N là bà Nguyễn Phước L1 đã thoả thuận với bà L để giải quyết nợ  
vay. Tại biên bản làm việc ngày 15/5/2023, tại Ngân hàng S – Phòng Giao dịch  
huyện V, bà L1 cam kết sẽ cùng với ông N trả nợ vay cho bà L và bà L1 đã trả cho

bà L được số tiền 200.000.000 đồng. Số tiền 300.000.000 đồng còn lại bà L1 cam kết sẽ trả hết sau khi bán được đất. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, bà L1 và ông N không thực hiện việc trả nợ cho bà L.

Bà Đoàn Thị L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Phước L1 và ông Cao Thành N liên đới trả số tiền còn nợ là 300.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi

**Theo biên bản làm việc ngày 23/9/2024, ông Cao Thành N trình bày:**

Thừa nhận có vay của bà Đoàn Thị L tổng số tiền là 500.000.000 đồng. Do làm ăn gặp khó khăn nên đến thời điểm hiện tại ông N chưa trả được hết số tiền vay của bà L. Ngày 15/5/2023, bà Đoàn Thị L và mẹ của ông N là bà Nguyễn Phước L1 có lập biên bản làm việc tại Ngân hàng S – Phòng giao dịch huyện V với nội dung bà L1 cam kết cùng với ông N sẽ trả nợ cho bà L. Đến thời điểm hiện tại đã trả được cho bà L số tiền 200.000.000 đồng. Ông N đồng ý cùng với bà L1 liên đới trả cho bà L số tiền 300.000.000 đồng như bà L yêu cầu. Vì lý do sức khỏe không đảm bảo nên bà L1 không đến Tòa án để làm việc được.

**Bà Nguyễn Phước L1 vắng mặt, không có lời trình bày.**

**Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:**

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký và nguyên đơn đã tuân thủ theo quy định của pháp luật. Bị đơn không tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị L, buộc bà Nguyễn Phước L1 và ông Cao Thành N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đoàn Thị L số tiền 300.000.000 đồng; ghi nhận bà L không yêu cầu tính lãi.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, Nguyễn Phước L1 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, tại phiên tòa bà Nguyễn Phước L1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Cao Thành N vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do chính đáng. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L1, ông N là phù hợp quy định tại Điều 227; 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn bà Nguyễn Phước L1 và ông Cao Thành N có nơi cư trú tại: Số B, ấp Q, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Đoàn Thị L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Phước L1 và ông Cao Thành N liên đới trả số tiền còn nợ là 300.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ông Cao Thành N đồng ý cùng bà Nguyễn Phước L1 liên đới trả số tiền 300.000.000 đồng cho bà L; bà L1 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án không có lời trình bày.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn cung cấp bản chính biên bản làm việc ngày 15/5/2023; sao kê việc chuyển khoản của ngân hàng, bản chụp nội dung tin nhắn cho mượn tiền. Ông Cao Thành N thừa nhận có mượn của bà Đoàn Thị L số tiền 500.000.000 đồng, hiện đã trả cho bà L được số tiền 200.000.000 đồng. Bà L xác nhận ông N và bà L1 đã trả cho bà L được số tiền 200.000.000 đồng. Đây là chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn thông báo thụ lý vụ án, Thông báo các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, bản photo biên bản làm việc ngày 15/5/2023. Bà Nguyễn Phước L1 vắng trong suốt quá trình tố tụng, không có lời trình bày và ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện và chứng cứ của nguyên đơn cung cấp. Điều này cho thấy bà L1 đã mặc nhiên thừa nhận việc giữa bà L1 với bà L có lập biên bản làm việc với nội dung cam kết cùng với ông N trả nợ cho bà L. Do đó, có căn cứ để xác định bà Nguyễn Phước L1 và ông Cao Thành N còn nợ lại bà Đoàn Thị L số tiền 300.000.000 đồng. Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị L, buộc bà Nguyễn Phước L1 và ông Cao Thành N liên đới trả cho bà Đoàn Thị L số tiền còn nợ là 300.000.000 đồng. Bà Đoàn Thị L tự nguyện không yêu cầu tính lãi nên ghi nhận.

Quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Bà Nguyễn Phước L1 là người cao tuổi và đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định.
- Ông Cao Thành N phải chịu án phí theo quy định.
- Hoàn trả cho bà Đoàn Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ:*

- Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;
- Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị L đối với bà Nguyễn Phước L1 và ông Cao Thành N về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc bà Nguyễn Phước L1 và ông Cao Thành N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đoàn Thị L số tiền nợ là 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng. Ghi nhận bà Đoàn Thị L không yêu cầu tính lãi.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành

xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

**2. Về án phí dân sự có giá ngạch:**

- Bà Nguyễn Phước L1 được miễn án phí.
- Ông Cao Thành N phải chịu số tiền án phí là 7.500.000 (Bảy triệu năm trăm nghìn) đồng.
- Hoàn lại cho bà Đoàn Thị L số tiền tạm ứng án phí là 7.500.000 (Bảy triệu năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0000695 ngày 09/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

**3. Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Huỳnh Minh Hiền**